

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 49/2021/DS-ST.

Ngày: 29/09/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.

2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 329/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54a/2020/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 08 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST – DS, ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Thế S
Nơi cư trú: Thôn 9, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T trình bày:

Vào ngày 24/9/2018, bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Thế S có vay của gia đình tôi số tiền 136.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, thời hạn trả nợ các bên có thỏa thuận miệng là 06 tháng trả gốc và lãi, khoản vay này không có thế chấp tài sản. Tuy đến hạn trả nợ nhưng ông S và bà Ch không trả được nợ.

Vào ngày 10/01/2020 bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Thế S có đơn kiến nghị về việc giải quyết do bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T đang giữ 02 giấy chứng nhận QSD đất của ông S và bà Ch, UBND xã E đã mời các bên đến để giải quyết thì tại buổi làm việc các bên không thống nhất được về khoản tiền vay và UBND xã E đã hướng dẫn các bên làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Do đó, vợ chồng ông T, bà Th làm đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý vụ án theo thông báo thụ lý vụ án số 22/2020/DSST ngày 20/02/2020 về việc giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Trong quá trình Tòa án giải quyết do ông T, bà Th muốn thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên có làm đơn rút yêu cầu khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 130/2020/QĐST – DS ngày 07/9/2020. Nhưng sau đó các bên không thỏa thuận được nên ông T và bà Th đã làm đơn khởi kiện lại yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết buộc ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch phải có trách nhiệm trả cho ông T, bà Th số tiền vay là 136.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm được tính kể từ ngày 24/9/2018 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử

Đối với hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà Th đang giữ của bà Ch và ông S không liên quan đến khoản tiền vay 136.000.000 đồng, mà liên quan đến số tiền 44.000.000 đồng mà ông T, bà Th đã đứng ra trả thay ông Ch và bà S cho bà Doãn Thị S để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 931825 và giấy chứng nhận số CE 458833 mang tên bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Thế S đã cầm cố trước đó cho bà S. Đối với khoản tiền này ông T và bà Th sẽ yêu cầu giải quyết sau nếu các bên có tranh chấp.

Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, Kết luận giám định chữ ký chữ viết, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch đến Tòa án làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tổ chức mà không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã xác định được bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền

136.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền các bên thỏa thuận mức lãi suất là 2,5%/tháng là cao so với quy định của pháp luật, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất theo mức 20%/năm kể từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét.

Đối với chi phí giám định, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là phù hợp.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự, Kết luận giám định, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 9, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 136.000.000 đồng và tiền lãi suất là 20%/năm được tính từ ngày 24/9/2018 đến ngày 29/9/2021; Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Thế S không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà Ch, ông S đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào “giấy vay tiền ngày 24/9/2018 do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ khác đã thu thập được nên vào ngày 23/6/2021 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch tại giấy vay ngày 24/9/2018 và các mẫu đối tượng so sánh. Tại bản Kết luận giám định số 111/PC09 ngày 02/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 24/9/2018 là do ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch ký và viết ra.

Do đó, đủ căn cứ chứng minh ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch có vay của ông T và bà Th số tiền 136.000.000 đồng.

Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 24/9/2018 không xác định thời hạn trả nợ, tuy nhiên trước đó nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án theo thông báo thụ lý vụ án số 22/2020/DSST ngày 20/02/2020 về việc giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và do các đương sự muốn thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên nguyên đơn có làm đơn rút yêu cầu khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 130/2020/QĐST – DS ngày 07/9/2020. Nhưng sau đó các bên không thỏa thuận được, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn việc này đã thể hiện bà Th và ông T đã yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ. Vì vậy, bị đơn ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, nhưng trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên HĐXX cần chấp nhận. Như vậy, tiền lãi được tính từ ngày 24/09/2018 cho đến ngày 29/09/2021 là 1090 ngày cụ thể như sau:

$(136.000.000 \text{ đồng} * 20\%/năm * 1090 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 81.227.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX cần buộc bị đơn ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T số tiền vay là 136.000.000 đồng và 81.227.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 217.227.000 đồng.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T đang giữ của bị đơn do không liên quan đến số tiền 136.000.000 đồng ngày 24/9/2018 mà liên quan đến khoản vay khác nên HĐXX không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên đương sự có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chi phí giám định hết 5.050.000 đồng để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 5.050.000 đồng tiền chi phí giám định.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T.

Buộc ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T số tiền là 217.227.000 đồng (trong đó tiền vay là 136.000.000 đồng và tiền lãi 81.227.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T số tiền 5.050.000 đồng chi phí giám định.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 10.861.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức 217.227.000 đồng x 5%).

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Anh T số tiền tạm ứng án phí 4.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0016684, ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc